

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỂU CẦN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2022/DSST  
Ngày: 18-8-2022  
*V/v Tranh chấp hợp đồng  
dân sự về góp hụi*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Ngoan

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- 1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung**
- 2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Sơn Thị Hoa Lan**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 657/2022/TLST-DS, ngày 01 tháng 07 năm 2022; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2022/QĐXXST-DS, ngày 01 -8-2022; giữa:

**Nguyên đơn:** Ông Thạch S, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

**Bị đơn:** Bà Thạch Thị M, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

**Người phiên dịch:** Ông Kim Trường Mu N - Công tác tại BND ấp Cây Hẹ (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại các đơn khởi kiện ngày 30 -12 -2020, đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Thạch S trình bày:**

Ông có tham gia góp hụi do bà Thạch Thị M làm chủ hụi, cụ thể vào tháng 03/2017 DL dây số 01 và tháng 08/2017 DL dây số 04, loại hụi 5.000.000 đồng, hụi vụ một năm khui 03 lần theo vụ lúa. Sau khi úp hụi giữa ông và bà M có đối chiếu phần hụi sống mà ông đã đóng cho bà M tổng cộng hai dây hụi với số tiền bằng 47.560.000 đồng, lãi hụi bằng 47.440.000 đồng nhưng bà M không đồng ý trả cho ông số tiền hụi sống mà ông đã đóng.

Hai dây hụi trên ông yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể hai dây hụi được thỏa thuận như sau:

1. Vào tháng 03/2017 DL dây số 01, loại hụi 5.000.000 đồng; chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, bà M có giao danh sách hụi viên cho ông có 18 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 1.500.000 đồng/lần hốt, hụi một năm khai 03 lần theo vụ lúa, Ông S tham gia 01 phần và đóng được 10 lần hụi sống với số tiền bằng 25.880.000 đồng, đến lần khai thứ 11 bà M úp hụi. Ở đây hụi số 01 bà M nợ tiền hụi ông bằng 25.880.000 đồng.

2. Vào tháng 08/2017 DL dây số 04, loại hụi 5.000.000 đồng; chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, có giao danh sách hụi viên cho ông có 17 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 1.500.000 đồng/lần hốt, hụi một năm khai 03 lần theo vụ lúa, Ông S tham gia 01 phần và đóng được 09 lần hụi sống với số tiền bằng 21.680.000 đồng, đến lần khai thứ 10 bà M úp hụi. Ở đây hụi số 04 bà M nợ tiền hụi ông bằng 21.680.000 đồng

Nay ông Thạch S yêu cầu bà M trả tiền hụi sống mà Ông S đã đóng hai dây hụi trên tổng cộng bằng 47.560.000 đồng, (Loại hụi 5.000.000 đồng, mở vào tháng 3/2017 DL, dây hụi số 01 và mở vào tháng 8/2017 dây số 04). Ông S không yêu cầu bà M trả lãi hụi bằng 47.440.000 đồng và không yêu cầu tính lãi

***Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 05-5-2021, bị đơn bà Thạch Thị M trình bày:***

Tôi có tổ chức khai các dây hụi mà Ông S tham gia cụ thể:

1. Vào tháng 03/2017 DL dây số 01, loại hụi 5.000.000 đồng; chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, tôi có giao danh sách hụi viên cho Ông S, có 18 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 1.500.000 đồng/lần hốt, hụi vụ một năm khai 03 lần theo vụ lúa Ông S tham gia 01 phần và đóng được 10 lần hụi sống bằng 25.880.000 đồng, đến lần khai thứ 11 tôi úp hụi, ở đây hụi số 01 tôi còn nợ Ông S hụi sống mà Ông S đã đóng bằng 25.880.000 đồng.

2. Vào tháng 08/2017 DL dây số 04, loại hụi 5.000.000 đồng; chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, tôi có giao danh sách hụi viên cho Ông S, có 17 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 1.500.000 đồng/lần hốt, hụi vụ một năm khai 03 lần theo vụ lúa Ông S tham gia 01 phần và đóng được 09 lần hụi sống bằng 21.680.000 đồng, đến lần khai thứ 10 tôi úp hụi, ở đây hụi số 04 tôi còn nợ Ông S hụi sống mà Ông S đã đóng bằng 21.680.000 đồng.

Nay Ông S yêu cầu tôi trả tiền hụi sống hai dây hụi nêu trên mà Ông S đã đóng bằng 47.560.000 đồng, tôi không đồng ý trả số tiền này cho Ông S vì tôi chưa có khả năng để trả, còn tiền lãi hụi bằng 47.440.000 đồng Ông S không yêu cầu trả và không yêu cầu tính lãi tôi thống nhất theo ý kiến của Ông S.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng có gồm: 02 danh sách hụi viên loại hụi 5.000.000 đồng, mở vào tháng 03/2017 DL, dây hụi số 01 và mở vào tháng 08/2017 DL, dây hụi số 04 (bản phô tô); 01 chứng minh nhân dân tên Thạch S và 01 Sổ hộ khẩu gia đình (photo).

**Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:**

Bà Thạch Thị M thừa nhận còn nợ tiền hụi sống của Ông S đã đóng hai dây hụi tổng cộng bằng 47.560.000 đồng (Loại hụi 5.000.000 đồng, mở vào

tháng 03/2017 DL và vào tháng 08/2017 DL, loại hui vụ một năm khui 03 lần theo vụ lúa dây hui số 01 và số 04); Ông S không yêu cầu trả lãi hui và tính lãi.

**Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:**

Bà M không đồng ý trả tiền hui sống theo yêu cầu của Ông S.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui”. Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt Ông S.

Bị đơn bà Thạch Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà M vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M theo qui định của pháp luật.

Ngày 28-9-2021 Tòa án ra quyết định nhập vụ án thụ lý số: 2594, 2593, 2594/2021.TBTL-DS ngày 18-01-2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui*” thành 01 vụ án thụ lý số: 2594/2021/TLST-DS, ngày 18-01-2021.

Ngày 01-7-2022 Tòa án ra quyết định tách vụ án thụ lý số: 2594/2021.TBTL-DS ngày 18-01-2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui*” thành 02 vụ án thụ lý số: 2594/2021/TLST-DS ngày 18-01-2021; số: 657/2022/TLST-DS ngày 01-07-2022;

[2] *Về nội dung*:

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thạch Thị M có lời khai thống nhất xác định Ông S có tham gia góp hui do bà M làm chủ đầu thảo cụ thể: Loại hui 5.000.000 đồng, mở vào tháng 03/2017 DL và mở vào tháng 08/2017 DL, loại hui vụ một năm khui 03 lần theo vụ lúa, dây hui số 01 và số 04 tổng cộng 02 phần hui Ông S đã đóng với số tiền bằng 47.560.000 đồng, đây là những tình tiết các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Ông S yêu cầu bà M trả tiền hui sống mà ông đã đóng ở hai dây hui trên tổng cộng bằng 47.560.000 đồng, không yêu cầu bà M trả lãi hui và không yêu cầu tính lãi. Bà M không đồng ý trả tiền hui sống Ông S đóng tổng cộng bằng 47.560.000 đồng, nhưng do hiện nay bà chưa có khả năng để trả.

[3] Hợp đồng góp hui giữa Ông S với bà M là có thật và sự việc được chứng minh qua lời khai thừa nhận của bà M là chủ hui đối với Ông S, tại hồ sơ vụ án bà M cũng thống nhất số tiền hui mà Ông S khởi kiện tổng cộng bằng 47.560.000 đồng bà M không đồng ý trả, với điều kiện sau khi lấy được tiền của

các hội viên khác thì bà M mới trả cho Ông S hiện nay bà không còn tài sản để trả. Xét thấy, trong thời gian trên bà M làm chủ hội của rất nhiều dây hội, loại hội khác nhau, sau khi úp hội đáng lẽ bà M phải có nghĩa vụ thanh toán tiền hội sống cho các hội viên đã tham gia góp hội, nhưng bà không thực hiện nghĩa vụ của chủ hội đối với hội viên khi có yêu cầu, mà cho rằng khi nào lấy được tiền rồi mới thanh toán lại cho Ông S, nên bà M đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hội đối với hội viên đang có phần hội sống. Việc vi phạm này ít nhiều vì cũng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Ông S, nên lời trình bày của bà M về phương thức trả tiền hội sống cho Ông S là không có căn cứ chấp nhận nên Hội đồng xét xử buộc bà M có trách nhiệm trả tiền hội sống mà Ông S đã đóng là có căn cứ; do Ông S không yêu cầu trả lãi hội và tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Thạch Thị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147 và Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội biểu phurong;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thạch S

2. Buộc bà Thạch Thị M trả tiền hội sống mà ông Thạch S đã đóng tổng cộng với số tiền bằng 47.560.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn*) đồng loại hội 5.000.000 đồng, mở vào tháng 03/2017 DL và vào tháng 08/2017 DL một năm khui 03 lần theo vụ lúa, dây hội số 01 và số 04. Ông Thạch S không yêu cầu tính lãi.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

3. **Về án phí**: Buộc bị đơn bà Thạch Thị M phải chịu 2.378.000 đồng án phí dân sự.

Ông Thạch S không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã mà Ông S đã nộp 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001589; số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001590 cùng ngày 13-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cho ông Thạch S.

#### **4. Về quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Ngoan**